

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2021/DS-PT  
Ngày 24-12-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản (mủ cao su)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Mai  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Dũng  
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 11 và ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (mủ cao su)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2021/QĐPT-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 68/TB-TA ngày 22 tháng 10 năm 2021, Quyết định tạm ngừng số 62/QĐ-PT ngày 26/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị O, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Ngô Đình Nh, sinh năm 1991; địa chỉ: Xã Cát H, huyện Ph, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: Số 20/13 Nguyễn V, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 21/01/2021), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá T – Luật sư Công ty Luật TNHH DL P – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Bị đơn:*

+ Bà Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 161/1/2 (số cũ 51/37) đường ĐX71, tổ 37, khu phố 5, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đặng Thị Cẩm H: Ông Đặng Hoài V, Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Hoài V và Đồng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

+ Ông Trần Minh Qu, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 161/1/2 (số cũ 51/37) đường ĐX71, tổ 37, khu phố 5, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh Qu: Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 12, đường D3, khu dân cư Chánh Nghĩa, khu 11, phường Chánh Nghĩa, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có mặt.

*- Người làm chứng:*

+ Bà Văn Thị Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Bàu Góc, xã Bình Mỹ, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đặng Thị Cẩm H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, nguyên đơn bà Lê Thị O trình bày:

Bà Lê Thị O với bà Đặng Thị Cẩm H và ông Trần Minh Qu có quan hệ làm ăn mua bán mủ cao su trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017. Bà H và ông Qu cùng nhau đến B, tỉnh Bình Dương mua mủ cao su của bà O. Đến ngày 10/02/2017, sau khi tổng kết đối chiếu số tiền mua mủ cao su, bà H và ông Qu xác nhận còn nợ bà O số tiền là 6.370.000.000 đồng (sáu tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng) gồm:

- Ngày 22/8/2016, xác nhận nợ bà O số tiền: 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng) và cam kết đến ngày 22/02/2017 sẽ thanh toán đủ số tiền này.

- Ngày 10/02/2017, xác nhận nợ bà O số tiền: 3.170.000.000 đồng (ba tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) và cam kết đến ngày 10/8/2017 sẽ thanh toán đủ số tiền này.

Bà O nhiều lần yêu cầu bà H, ông Qu thanh toán cho bà O số tiền: 6.370.000.000 đồng (sáu tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng bà H và ông Qu liên tục hứa hẹn và không thực hiện. Hành vi của bà H và ông Qu đã xâm hại

ng nghiêm trọng đến tài sản hợp pháp của bà O và vi phạm quy định của pháp luật. Nay bà O khởi kiện với yêu cầu bà Đặng Thị Cẩm H và ông Trần Minh Qu có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền là: 7.947.000.000 đồng (bảy tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng), gồm:

1. Số tiền nợ theo giấy ghi nhận ngày 22/08/2016 là 4.064.000.000 đồng (bốn tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu đồng), trong đó: Số tiền nợ chưa thanh toán 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 23/02/2017 đến ngày 23/02/2020): 864.000.000 đồng (tám trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

2. Số tiền nợ theo giấy ghi nhận ngày 10/02/2017 là 3.883.000.000 đồng (ba tỷ tám trăm tám mươi ba triệu đồng), trong đó: Số tiền nợ chưa thanh toán 3.170.000.000 đồng (ba tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 11/08/2017 đến ngày 11/02/2020) 713.000.000 đồng (bảy trăm mười ba triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ gốc là 6.370.000.000 đồng (sáu tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 1.577.000.000 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Tổng cộng số tiền là 7.947.000.000 đồng (bảy tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Minh Qu và bà Đặng Thị Cẩm H tại địa chỉ bị đơn cư trú theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Minh Qu và bà Đặng Thị Cẩm H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (mủ cao su), đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị O đối với bị đơn ông Trần Minh Qu và bà Đặng Thị Cẩm H về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (mủ cao su)”.

- Buộc ông Trần Minh Qu và bà Đặng Thị Cẩm H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Thị O số tiền nợ gốc là 6.370.000.000 đồng (sáu tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 1.577.000.000 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Tổng cộng số tiền là 7.947.000.000 đồng (bảy tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Ngày 27/10/2020, bị đơn bà Đặng Thị Cẩm H kháng cáo quá hạn với nội dung Tòa án nhân dân thành phố Th đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 11/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương họp xét kháng cáo quá hạn của bà H và ban hành Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 21/2020/QĐ-PT.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn bà Đặng Thị Cẩm H trình bày: Bà và bà Lê Thị O có mua bán mủ cao su với nhau từ năm 2013 đến cuối năm 2017. Do quá trình làm ăn bà bị thua lỗ nên đến ngày 21/8/2016, bà H có nợ bà O số tiền 3.200.000.000 đồng, trong thời gian đó bà H có xoay xở mua bán và trả nợ cho bà O. Tuy nhiên, ngày 20/11/2016, bà O có kêu vào phòng ngủ của bà O và bắt bà H viết giấy bán đất cho bà O nhằm cản trừ số nợ trên để cho chồng bà O không chửi bà O. Đến ngày 10/02/2017, khi chốt lại số nợ thì bà H xác định nợ lại bà O số tiền 3.170.000.000 đồng, bà H đã ký tên và lấn tay xác nhận số nợ trên. Sau đó, chị bà H là bà Đặng Thị Kim O1 đã thay bà H trả cho bà O số tiền 700.000.000 đồng, nên bà H chỉ còn nợ lại bà O số tiền 2.470.000.000 đồng. Do đó, bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà O, mà chỉ xác định còn nợ bà O số tiền là 2.470.000.000 đồng, tuy nhiên bà H đồng ý trả cho bà O số tiền 3.000.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Minh Qu và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Minh T1 trình bày: Ông Qu xác định không liên quan gì đến hợp đồng mua bán mủ cao su giữa bà H và bà O vì ông Qu và bà H đã ly thân từ năm 2014, việc kinh doanh của bà H, ông Qu không biết. Việc bà O yêu cầu ông liên đới thanh toán số nợ 6.370.000.000 đồng theo hai giấy ngày 21/8/2016 và ngày 10/02/2017 là không có căn cứ. Ông yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án đối với việc tranh chấp của bà O theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người làm chứng bà N trình bày: Bà là người bán mủ cao su của bà O, cũng là hàng xóm với nhau. Bà chỉ biết ông Qu và bà H là người thường đến địa bàn của bà để thu mua mủ cao su. Qua nhiều lần mua bán mủ cao su cho bà O, thì bà có thấy bà O có bán mủ cao su cho vợ chồng bà H, ông Qu. Tuy ông Qu không thường xuyên đi cùng bà H nhưng ông Qu có cùng bà H thu mua mủ của bà O và những người dân ở địa bàn B. Việc ông Qu cho rằng hoàn toàn không biết việc mua bán mủ cao su giữa bà O và bà H là không đúng sự thật. Vì rất nhiều lần ông Qu tham gia trong việc mua bán mủ cao su giữa bà O và bà H. Việc mua bán giữa bà Lê Thị O với ông Qu và bà H như thế nào và số tiền hai bên nợ nhau bao nhiêu thì bà không biết.

Người làm chứng bà Đ trình bày: Bà có quan hệ mua bán mủ cao su với ông Qu, bà H và bà O. Khi mua bán mủ cao su với bà thì bà H là người trực tiếp thương lượng giá cả và thanh toán, ông Qu đi cùng bà H phụ trách việc cân mủ và chở mủ. Hiện ông Qu và bà H còn nợ tiền mủ của bà chưa thanh toán, trước đây bà có khởi kiện bà H và ông Qu tại Tòa án nhân dân thành phố Th, nhưng do bà H năn nỉ rút đơn thì sẽ trả tiền cho bà, nên bà đồng ý rút đơn. Tuy nhiên đến nay, ông Qu và bà H vẫn chưa trả hết nợ cho bà. Đối với việc mua bán mủ cao su giữa bà O với ông Qu, bà H thì ông Qu, bà H cùng đi thu mua mủ của bà O. Việc ông Qu cho rằng hoàn toàn không biết việc mua bán mủ cao su giữa bà O và bà H là không đúng sự thật. Việc mua bán giữa bà Lê Thị O với ông Qu và bà H như thế nào và số tiền hai bên nợ nhau bao nhiêu thì bà không biết.

Người làm chứng bà H: Bà là người bán mủ cao su cho bà O, cũng là hàng xóm với nhau. Bà biết ông Qu và bà H là người thường đến địa bàn của bà để thu mua mủ cao su, bà không có quan hệ mua bán gì với ông Qu và bà H. Bà thấy bà O có bán mủ cao su cho vợ chồng bà H, ông Qu. Hai người cùng đi và tham gia trong việc thu mua mủ của bà O. Việc ông Qu cho rằng hoàn toàn không biết việc mua bán mủ cao su giữa bà O và bà H là không đúng sự thật. Việc mua bán giữa bà Lê Thị O với ông Qu và bà H như thế nào và số tiền hai bên nợ nhau bao nhiêu thì bà không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà H trình bày nội dung kháng cáo và căn cứ của việc kháng cáo: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh địa chỉ cư trú trong khi bà H vẫn còn sinh sống tại địa phương. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo Điều 177, 178 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Bà Đặng Thị Kim O1 (chị ruột của bà H) và nguyên đơn thống nhất xác định bà Kim O1 đã thay bà H trả 700.000.000 đồng cho nguyên đơn bà O, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Kim O1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các lần làm việc ông Qu và đại diện theo ủy quyền của ông Qu đều xác định trong giấy xác nhận không phải chữ ký của ông Qu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại đưa ông Qu vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là vi phạm thủ tục tố tụng. Nguyên đơn trình bày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùng để gán nợ đã được bị đơn thế chấp cho Ngân hàng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định có cho bà O mượn danh Công ty Quang A để giao dịch với Công ty Nệm Vạn Thvà Công ty Phúc Th, nên cần đưa các công ty này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đã trình bày trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Bị đơn trình bày có ký vào hai phần nợ trong cuốn sổ tuy nhiên nguyên đơn xé ra từng trang để khởi kiện, trong khi bà H xác định nguyên đơn cần trừ nợ rồi mới cho nợ tiếp, bà O cung cấp cho Tòa án tờ giấy lẻ của cuốn sổ nợ là che giấu chứng cứ. Ông Qu không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy ngày 20/11/2016, Tòa án không giám định chữ ký nhưng lại buộc ông Qu liên đới trả nợ. Ông Qu xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Qu được cha mẹ cho riêng là tài sản riêng của ông Qu, nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Qu vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn và buộc ông Qu phải liên đới thanh toán nợ là không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản xác minh tại Công an phường Đ về địa chỉ cư trú

của bà H và ông Qu, người cung cấp thông tin là Cảnh sát khu vực ông Dương Tuấn Kiệt (bút lục 40A). Tại cấp phúc thẩm, Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của bà H, ông Qu cũng do ông Kiệt cung cấp thông tin, tuy nhiên hai nội dung được cung cấp hoàn toàn trái ngược nhau. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ số 161/1/2 (số cũ 51/37) đường ĐX71 hay ĐX70 là không ảnh hưởng vì thực tế Tòa án đã niêm yết đúng nơi bị đơn sinh sống.

Bà Kim O1 đã thay bà H trả cho bà O số tiền 700.000.000 đồng trước khi hai bên chốt lại số nợ nên bà Kim O1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông Qu là người đã ký và viết tên vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có trách nhiệm liên đới với bà H thanh toán tiền cho bà O nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Qu vào tham gia với tư cách bị đơn là phù hợp, không hề có việc vi phạm như Luật sư nguyên đơn trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng, Công ty Quang A, Công ty Nệm Vạn Th và Công ty Phúc Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp vì các tổ chức này không liên quan đến vụ án tranh chấp và các hóa đơn do bị đơn xuất trình cũng không liên quan đến khoản nợ.

Về nội dung: Không có văn bản pháp luật nào quy định không trả nợ thì không được mua bán tiếp, nên việc bị đơn cho rằng tại sao chưa trả nợ mà lại tiếp tục bán cho bà H, lúc đó vì bà H năn nỉ bà O và bà H đã ký giấy cam kết chuyển nhượng đất ngày 20/11/2016 cho bà O nên bà O mới tiếp tục mua bán mủ cao su với bà H và cho thiếu nợ mới. Tuy nhiên, sau khi xóa thế chấp bị đơn bà H không làm thủ tục chuyển nhượng đất cũng không trả nợ cho nguyên đơn, việc này thể hiện bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn ông Qu cho rằng ông không liên quan đến việc mua bán và ông không có nghĩa vụ trả nợ là chối bỏ trách nhiệm, ông Qu và bà H là vợ chồng, khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Qu phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H thanh toán nợ. Bị đơn bà H cho rằng hai khoản nợ là một nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không thể chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo Biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng ngày 15/7/2020 thể hiện lý do niêm yết là “do bà H, ông Qu thường xuyên vắng nhà”. Tuy nhiên, căn cứ khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự thì trường hợp của bà H, ông Qu không thuộc trường hợp “người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thực hiện việc niêm yết là vi phạm thủ tục tố tụng. Theo Biên bản phiên tòa thời gian bắt đầu xét xử từ 08 giờ 30 phút, kết thúc lúc 09 giờ 00 ngày 15/7/2020 (bút lục 48), trong biên bản ghi nhận quyết định hoãn phiên tòa được thông qua tại phòng nghị án. Cũng tại thời điểm 08 giờ 30 phút ngày

15/7/2020 (bút lục 52A) thì Thư ký Hoàng Văn Quyết có mặt tại nhà bà Đặng Thị Cẩm H để niêm yết quyết định hoãn phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì: Thời điểm 08 giờ 30 phút ngày 15/7/2020 quyết định hoãn phiên tòa chưa được thông qua nhưng được niêm yết, cùng thời điểm Thư ký Hoàng Văn Quyết có mặt hai nơi khác nhau để tác nghiệp. Ngoài ra, theo bảng kê tài liệu có trong hồ sơ thể hiện “hồ sơ gồm có 90 bút lục được đánh số từ 01 – 90” nhưng bản kê và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện có nhiều bút lục đi kèm với chữ cái: 52A, ..., 52E, như vậy hồ sơ nhiều hơn 90 bút lục. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục niêm yết, xét xử vắng mặt bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng cho đương sự: Ngày 17/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Th mở phiên tòa sơ thẩm, theo biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục 48) thể hiện phiên tòa bắt đầu lúc 08 giờ 30 phút và kết thúc lúc 09 giờ 00 phút ngày 17/5/2020. Theo Biên bản nghị án ngày 15/7/2020 thì Hội đồng xét xử tiến hành nghị án vào lúc 08 giờ 40 phút đến 08 giờ 50 phút cùng ngày (bút lục 47) và ban hành Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 69/2020/QĐST-DS ngày 15/7/2020 với lý do ông Qu và bà H vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, tại Biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng ngày 15/7/2020 (bút lục số 52A) và Biên bản niêm yết văn bản tố tụng ngày 15/7/2020 (bút lục 51) thể hiện: Từ thời gian 08 giờ 30 phút đến 08 giờ 50 ngày 15/7/2020, Thư ký Hoàng Văn Quyết (Thư ký ghi biên bản phiên tòa) có mặt tại nhà bà H và ông Qu để niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-DS ngày 15/7/2020 và giấy triệu tập cho bà H, ông Qu. Như vậy, việc niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/7/2020 bởi cùng một Thư ký diễn ra cùng thời gian diễn ra phiên tòa, trong khi Hội đồng xét xử đang nghị án và chưa ban hành quyết định hoãn phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục tố tụng.

[1.2] Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST được ban hành ngày 31/7/2020, đến ngày 11/9/2020, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án cho ông Qu, bà H (thông qua Thừa phát lại) nhưng do ông Qu, bà H vắng mặt nên Thừa phát lại đã lập biên bản không tổng đạt được và tiến hành niêm yết bản án. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện ngày 10/8/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết bản án tại trụ sở Tòa án. Như vậy, khi chưa thực hiện tổng đạt bản án cho bà H và ông Qu nên chưa biết có thuộc trường hợp không thể cấp, tổng đạt bản án cho bà H, ông Qu theo Điều 177 và 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự hay không nhưng Tòa án

cấp sơ thẩm đã thực hiện niêm yết tại trụ sở trước 31 ngày là vi phạm trình tự thủ tục niêm yết quy định tại khoản 1 Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 10/12/2021 của Tòa án cấp phúc thẩm tại Công an phường Đ, thể hiện: “Qua tra cứu dữ liệu dân sự quốc gia thì địa chỉ đăng ký thường trú nhà bà H, ông Qu hiện tại là số 161/1/2 đường ĐX71, tổ 37, khu phố 5, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Qua khảo sát thực tế thì bảng số nhà bà H, ông Qu cũng thể hiện địa chỉ 161/1/2, đường ĐX71 (số cũ 51/37), tổ 37, khu phố 5, phường Đ, mà không phải đường ĐX70. Đường ĐX70 và đường ĐX71 là hai con đường khác nhau và cùng trong khu phố 5, phường Đ”. Như vậy, Tòa án tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng cho bà H, ông Qu tại số 161/1/2 đường ĐX70, tổ 37, khu phố 5, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Bình Dương là không đúng địa chỉ đường nơi cư trú của bị đơn.

[1.4] Mặt khác, tại phần đầu Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 21/7/2020 (bút lục 57) có ghi nhận Hội thẩm nhân dân Lê Hùng Vương là thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm nhưng tại phần cuối bản án có chữ ký và ghi tên Lê Hùng Dương là có sai sót về tên của Hội thẩm nhân dân, bản án phát hành cũng ghi nhận tên Hội thẩm nhân dân là Lê Hùng Vương nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa, bổ sung là còn thiếu sót.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Lê Thị O khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Cẩm H và ông Trần Minh Qu có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền là 7.947.000.000 đồng, gồm: Số tiền nợ theo Giấy ngày 22/08/2016 là 4.064.000.000 đồng (nợ gốc 3.200.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 864.000.000 đồng) và số tiền nợ theo Giấy ngày 10/02/2017 là 3.883.000.000 đồng (nợ gốc 3.170.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 713.000.000 đồng). Bị đơn bà H cho rằng tính đến ngày 10/02/2017, khi chốt nợ lại thì bà H chỉ nợ bà O số tiền 3.170.000.000 đồng, bà H đã ký tên và lặn tay xác nhận số nợ trên. Sau đó, chị bà H là bà Đặng Thị Kim O1 đã thay bà H trả cho bà O số tiền 700.000.000 đồng, nên bà H chỉ còn nợ lại bà O số tiền 2.470.000.000 đồng, do đó bà H chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 3.000.000.000 đồng.

[2.2] Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành làm việc, lấy lời khai và đối chất để làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án, lời khai của các bên thể hiện:

[2.3] Bị đơn bà H cho rằng khoản nợ 3.200.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 22/08/2016, bà H đã căn trừ 1.000.000.000 đồng tiền giao mủ nước cho bà O và chỉ còn lại 2.200.000.000 đồng, sau đó quá trình hai bên tiếp tục mua bán mủ với nhau số nợ tăng lên và chốt lại là 3.170.000.000 đồng theo giấy ngày 10/02/2017. Bà H xác định khi các bên chốt nợ mới thì giấy nợ cũ không còn giá trị, nợ cũ nhập vào nợ mới. Trình tự đối chiếu nợ này trong mua bán thường xuyên diễn ra và hoàn toàn không giống việc vay tiền, nên bà O không thể căn cứ giấy ghi nợ đối chiếu của các lần trước để tính tất cả là nợ chưa thanh toán, vì



số tiền bà O khởi kiện không khớp với khối lượng hàng được mua bán của hai bên. Nguyên đơn bà O lại xác định 02 giấy nợ này tách biệt nhau, sau khi chốt giấy nợ ngày 22/08/2016 thì nguyên đơn không đồng ý giao dịch với bị đơn nữa, nhưng phía bị đơn đã ký giấy chuyển nhượng đất ngày 20/11/2016 nên nguyên đơn đồng ý tiếp tục mua bán mủ cao su với bị đơn và đến ngày 10/02/2017 là khoản tiền nợ tiếp theo cho các lần mua bán sau.

[2.4] Nguyên đơn cho rằng giấy ngày 20/11/2016 được lập hai bản, mỗi bên giữ một bản; chữ ký, chữ viết Trần Minh Qu là do ông Qu ký và viết ra, bị đơn cho rằng giấy ngày 20/11/2016 chỉ lập một bản và chữ ký, chữ viết Trần Minh Qu không phải của ông Qu. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện có hai giấy ngày 20/11/2016 và nội dung giống nhau nhưng có một số chỗ cách viết khác nhau, giấy do bà H cung cấp cho Tòa án ngày 29/4/2021 có chữ ký của bà O, ông Phong, còn giấy do bà O cung cấp thì không có. Hai tờ giấy này đều có phân ghi thêm “8m ngang x 37.8 = 1814000000 một tỷ tám trăm mười bốn triệu đồng”, nguyên đơn cho rằng bà H viết thêm, bà H cho rằng nguyên đơn viết thêm, nhưng cả hai bên đều không ai yêu cầu giám định chữ viết để xác định ai là người đã viết các dòng chữ này, quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm ngày 01/4/2021 ông Qu và bà H có đơn yêu cầu giám định chữ ký, sau đó ngày 13/5/2021, ông Qu và bà H đã có đơn rút lại yêu cầu giám định. Các đương sự khác cũng không yêu cầu giám định chữ ký của ông Qu nên Tòa án cấp phúc thẩm không giám định chữ ký của ông Qu trong giấy ngày 20/11/2016.

[2.5] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị O cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới là cuốn sổ ghi chép quá trình mua bán mủ cao su giữa bà O và bà H. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2021 và Biên bản đối chất ngày 15/11/2021, bà O và bà H thống nhất xác định phương thức giao dịch giữa hai bên là bà O thu mua mủ nước của bà H và bán lại mủ chén cho bà H. Các bên giao dịch hàng ngày và cả hai ghi chép số lượng giao dịch, chốt số nợ cuối ngày vào cuốn sổ mà bà O cung cấp, có chỗ bà O ghi, có chỗ bà H ghi. Ngoài ra, bị đơn bà H cung cấp các hóa đơn giá trị gia tăng giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Nông sản Quang Anh với Công ty TNHH Cao su Phúc Th, Công ty TNHH Nệm Vạn Th và xác định Công ty Phúc Th và Nệm Vạn Th là công ty đối tác của nguyên đơn, việc bà H bán mủ nước cho hai công ty này và xuất hóa đơn là theo yêu cầu của bà O trong quá trình hai bên mua bán. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định các hóa đơn giá trị gia tăng bà H nộp là để chứng minh cho việc bà H và bà O có giao dịch mua bán mủ cao su từ năm 2012 đã thanh toán xong và không liên quan đến khoản nợ giữa bà H và bà O.

[2.6] Tại cấp phúc thẩm, ông Qu cho rằng ông không liên quan đến các khoản tiền của bà H và không biết gì về việc kinh doanh của bà H nên không chịu trách nhiệm liên đới trả nợ đồng thời bà H và ông Qu có yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, do bà H và ông Qu không tham gia suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm không có thu thập tài liệu chứng cứ về quan hệ hôn nhân giữa ông Qu và bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định đã ly thân từ năm 2014 và ly

hôn nhưng không cung cấp được chứng cứ, còn ông Qu xác định đã ly thân từ năm 2014 nhưng hiện nay cả hai đang ở cùng địa chỉ. Những người làm chứng xác định có chứng kiến việc ông Qu tham gia cùng bà H trong quá trình mua bán mủ cao su. Do đó, cần làm rõ mối quan hệ của ông Qu và bà H trong quá trình mua bán mủ cao su và thanh toán nợ cho bà O để xác định có hay không có trách nhiệm liên đới của ông Qu đối với khoản nợ. Mặt khác, cần xem xét yêu cầu của bà H và ông Qu về việc có áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, tuy nhiên, vấn đề này được bị đơn đưa ra tại cấp phúc thẩm nên chưa được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá.

[2.7] Mặt khác, tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn bà H xác định chị của bà H là bà Đặng Thị Kim O1 có thay bà H trả cho bà Lê Thị O số tiền 700.000.000 đồng. Tại Biên bản đối chất ngày 15/11/2020, nguyên đơn bà Lê Thị O và bà Đặng Thị Kim O1 cũng thừa nhận có việc bà Kim O1 trả thay bà H 700.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên đương sự không thống nhất về thời gian bà Kim O1 thay bà H trả nợ cho bà O. Nguyên đơn cho rằng số tiền bà Kim O1 trả là trước khi chốt lại số nợ theo Giấy ngày 10/02/2017, bị đơn bà H lại cho rằng bà Kim O1 trả tiền sau khi đã chốt số nợ ngày 10/02/2017. Do đó, cần xem xét thu thập thêm chứng cứ xác định lời khai của các bên đương sự và xem xét tư cách tố tụng của bà Đặng Thị Kim O1 là người làm chứng hay là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án triệt để.

[2.8] Từ những phân tích trên, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đồng thời tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới cần được đánh giá bởi hai cấp xét xử nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đưa hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

[2.9] Việc có đưa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Nông sản Quang A, Công ty TNHH Cao su Phúc Th và Công ty TNHH Nệm Vạn Th, Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[2.10] Việc hủy bỏ, thay đổi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết lại vụ án.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Cẩm H.
2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Bình Dương.
3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Th giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Cẩm H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Cẩm H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0051016 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Th.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/12/2021)./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. Th;
- TAND TP. Th;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Mai**